

Bản án số: 81/2022/HSST
Ngày 31 tháng 10 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sửu - Phó hiệu trưởng trường tiểu học xã Văn Quán

2. Ông Đào Quyết Chiến - Phó bí thư đoàn xã Đồng Ích

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch,
tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:
77/2022/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 77/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Đỗ Văn T, sinh ngày 08/6/2004; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã
T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá:
11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con
ông Đỗ Văn P, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị A, sinh năm 1973; vợ con: chưa
có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T:** Ông Lê Văn Duy, sinh năm 1979
- Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc
(có mặt).

- **Bị hại:** Anh Vàng A C, sinh năm 2000; Trú tại: Bản N, xã C, huyện S,
tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Phùng Tuấn A, sinh năm
1996; Trú tại: phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt). Anh Đỗ Văn
T, sinh năm 1994; Trú tại: thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).
Anh Phùng Thanh N, sinh năm 2002; Trú tại: thôn R, xã T, thành phố V, tỉnh
Vĩnh Phúc (vắng mặt). Anh Chu Văn N, sinh năm 2002; Trú tại: thôn V, xã T,
thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt). Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1987;

Trú tại: xã K, huyện T, tỉnh V (vắng mặt). Anh Nguyễn Việt V, sinh năm 1995; Trú tại: tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt). Anh Nguyễn Trường H, sinh năm 1987; Trú tại: Đội 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt). Anh Phạm Đức B, sinh năm 1995; Trú tại: thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Anh Tần A H, sinh năm 1999; Trú tại: Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu (vắng mặt). Chị Phan Thị P, sinh năm 2004; Trú tại: thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu (vắng mặt). Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 2002; Trú tại: xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt). Anh Phùng Văn U, sinh năm 1999; Trú tại: TDP L, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 4/2022, Đỗ Văn T, sinh ngày 08/6/2004, ở xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đến làm công nhân tại một cơ sở may mặc ở phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh và quen biết anh Vàng A C, sinh năm 2000, anh Tần A H, sinh năm 1999, đều ở xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu cũng là công nhân tại cơ sở may mặc nêu trên. T biết anh C có 01 xe máy Yamaha Exciter BKS 25B1 – 891.06 và 01 điện thoại di động Iphone XS. Do không có tiền tiêu sài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt các tài sản trên của anh C bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, T nói với anh C ở tỉnh Vĩnh Phúc có chỗ làm việc lương cao, T có thể xin được việc cho anh C và rủ anh C về tỉnh Vĩnh Phúc thì anh C đồng ý. Đến buổi trưa ngày 10/4/2022, anh C đưa cho T điều khiển xe máy BKS 25B1 – 891.06 chở anh C ngồi sau còn anh H, chị Phan Thị P, sinh năm 2004, ở xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu và Nguyễn Huy H, sinh năm 2002, ở xã T, thành phố V cùng đi taxi từ tỉnh Bắc Ninh về tỉnh Vĩnh Phúc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T cùng mọi người đến thuê phòng tại nhà nghỉ Hoàng Mai, ở xóm N, xã Q, huyện B. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T nói dối anh C “Cho tao mượn xe máy đi uống rượu với bạn”, tin tưởng T nên anh C cho T mượn xe máy BKS 25B1 – 891.06. Sau đó, T chở H về nhà H rồi gọi điện cho Phạm Đức B, sinh năm 1995, ở xã Đ, huyện Y nhờ B tìm chỗ bán chiếc xe máy trên, T nói với B xe máy của T mua lại của bạn nên B đồng ý dẫn T đi bán xe máy. Sau đó, T mở cốp xe kiểm tra thấy có đăng ký xe nên T đục đăng ký xe vào người rồi đi xe máy trên đến gặp B. Lúc này, B gọi điện cho Phùng Văn U, sinh năm 1999, ở phường Đ, thành phố V nhờ tìm chỗ bán xe máy, U hỏi “Xe có giấy tờ không”, B nói “Có” nên U đồng ý và hẹn gặp B ở khu vực cầu L, phường Đ, thành phố V. Sau đó, U gọi điện cho Chu Văn N, sinh năm 2002, ở xã T, thành phố V là cháu của U nói “Chú có thằng bạn muốn bán xe Exciter, có muốn mua không” thì N nói “Đề cháu về xem đã”. Một lúc sau thì N về cửa hàng quần áo của N ở TDP L,

phường Đ, thành phố V gặp U, B, T thì T đặt vấn đề bán chiếc xe máy BKS 25B1 – 891.06 cho N, thấy xe có giấy tờ nên N đồng ý mua chiếc xe máy trên với giá 25.000.000đ, T viết giấy bán xe rồi N đưa cho T 25.000.000đ, trên đường về T dùng số tiền trên trả cho B 2.000.000đ nợ B trước đó và cho B vay 3.000.000đ còn lại 20.000.000đ một mình T tiêu sài cá nhân hết.

Đến sáng ngày 11/4/2022, T đi taxi quay lại nhà nghỉ Hoàng Mai gặp anh C thì anh C hỏi về xe máy, T nói dối đã gửi xe máy về chỗ làm ở thị trấn L, huyện L, T sẽ đưa mọi người đến chỗ phỏng vấn rồi trả xe máy. Sau đó, T cùng anh C, anh H, chị P đi taxi đến thị trấn L rồi thuê phòng tại nhà nghỉ Kim Ngân ở TDP T, thị trấn L. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh C rủ T đi cắt tóc tại quán cắt tóc Ngọc Sơn ở TDP T, thị trấn L. Đến nơi anh C vào trong quán cắt tóc, T nói dối hỏi mượn anh C chiếc điện thoại di động Iphone XS để T vào mạng và ngồi đợi ở quán nước ven đường, tin tưởng T nên anh C đưa cho T mượn chiếc điện thoại trên, T cầm điện thoại rồi đi taxi về thẳng thành phố V, trên đường đi T tháo vớt bỏ ốp lưng điện thoại ở ven đường, tháo thẻ sim điện thoại, chặn mọi liên lạc với anh C rồi về nhà ngủ. Đến khoảng 15 giờ ngày 12/4/2022, T cầm chiếc điện thoại di động trên đến bán cho anh Phùng Thanh Ng, sinh năm 2002, ở xã T, thành phố V được 5.200.000đ và tiêu sài hết số tiền trên.

Sau khi không thấy T trả xe máy và điện thoại, anh C đã trình báo Công an thị trấn Lập Thạch.

Ngày 13/4/2022, anh Đỗ Văn T, sinh năm 1994, ở xã T, thành phố V là anh trai ruột của T đã chuộc lại của anh N chiếc điện thoại di động Iphone XS và giao nộp cho Cơ quan điều tra, ngày 10/5/2022, T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 thẻ sim điện thoại di động, anh N giao nộp 02 tờ giấy A4 chụp lại hình ảnh giấy bán xe giữa T và anh N.

Quá trình điều tra xác định: Sau khi mua chiếc xe máy BKS 25B1 – 891.06 của T, anh N sử dụng xe máy trên một thời gian rồi bán lại cho anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1987, ở xã K, huyện T với giá 27.000.000đ, sau đó, anh H bán lại chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Việt V, sinh năm 1975, ở phường H, thành phố P với giá 29.000.000đ, sau đó anh V bán lại chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Trường H, sinh năm 1987, ở phường T, thành phố V với giá 38.500.000đ. Đến đầu tháng 7/2022, anh H bán lại chiếc xe máy trên cho anh Phùng Tuấn A, sinh năm 1996, ở phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với giá 44.000.000đ, sau đó anh Tuấn A đã đăng ký lại chiếc xe máy trên mang BKS 27B2 – 348.62 đứng tên Phùng Tuấn A. Quá trình điều tra, anh Tuấn A đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe máy BKS 27B2 – 348.62 cùng đăng ký xe, anh H giao nộp 01 giấy bán xe giữa N và anh H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18 ngày 25/4/2022 và Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 07/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự

huyện Lập Thạch, kết luận 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng Gold trị giá 6.390.000đ; 01 thẻ sim điện thoại đã cũ trị giá 50.000đ; 01 vỏ ốp điện thoại bằng nhựa, đã cũ trị giá 70.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 97 ngày 29/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Xuyên, kết luận 01 xe máy Yamaha Exciter, màu sơn: trắng - đỏ - đen, số máy: G3M5E012713, số khung: RLCUG1220MY003659, trị giá 37.033.000đ.

Đối với anh Phạm Đức B, anh Phùng Văn U là người đưa T đi bán xe máy BKS 25B1 – 891.06, anh Chu Văn N, anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Việt V, anh Nguyễn Trường H, anh Phùng Tuấn A là người mua chiếc xe máy BKS 25B1 – 891.06, quá trình điều tra xác định những người trên không biết xe máy là do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Phùng Thanh N là người mua chiếc điện thoại di động Iphone XS của T, quá trình điều tra xác định anh N không biết chiếc điện thoại di động trên do T phạm tội mà có, sau đó anh N đã cho anh T là anh trai của T chuộc lại chiếc điện thoại trên, đến nay anh N không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Huy H, quá trình điều tra xác định trước, trong và sau khi T chiếm đoạt xe máy BKS 25B1 – 891.06, T không bàn bạc, trao đổi gì với anh H, anh H không được hưởng lợi ích vật chất gì từ việc T chiếm đoạt xe máy của anh C nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

*** Vật chứng vụ án:**

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng Gold, 01 thẻ sim có hàng số 8984048000077826706 là tài sản của anh Vàng A C, Cơ quan điều tra đã trả lại anh C.

01 vỏ ốp điện thoại bằng nhựa màu vàng, T khai đã vứt bỏ ven đường, không nhớ vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, đến nay anh C không yêu cầu T phải bồi thường đối với chiếc vỏ ốp điện thoại trên.

02 tờ giấy A4 chụp lại hình ảnh giấy bán xe máy giữa T với anh N, 01 giấy bán xe máy giữa anh N với anh H là tài liệu chứng minh tội phạm, Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án. Đối với giấy bán xe máy giữa anh H với anh V, anh V với anh H, anh H với anh Tuấn A, quá trình điều tra, anh V, anh H, anh T khai đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc xe máy BKS 25B1 – 891.06, quá trình điều tra xác định sau khi anh T mua chiếc xe máy trên, anh Tuấn A đã đăng ký lại với BKS 27B2 – 348.62 đứng tên Phùng Tuấn A. Bản thân anh Tuấn A không biết chiếc xe máy trên do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra đã trả lại anh Tuấn A chiếc xe máy BKS 27B2 – 348.62 cùng đăng ký xe.

Đối với chiếc điện thoại di động T sử dụng liên lạc với B để tìm chỗ bán xe máy BKS 25B1 – 891.06, quá trình điều tra T khai đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về dân sự: Quá trình điều tra, anh Vàng A C yêu cầu T phải bồi thường số tiền 40.000.000đ, T cùng gia đình đã bồi thường cho anh C 40.000.000đ, anh C nhận đủ tiền, không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Quá trình điều tra, bị cáo Đỗ Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 83/CT-VKS-LT ngày 14 tháng 10 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Đỗ Văn T. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T, xử phạt: Bị cáo Tiên từ 17 tháng đến 19 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T không có ý kiến bổ sung gì về các nội dung bị cáo đã trình bày và không tranh luận gì, bị cáo bị truy tố đúng người đúng tội, đúng với bản luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, bị cáo tuổi trẻ nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nhân thân tốt, khai báo thành khẩn ăn năn hối lỗi, tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo T và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Đỗ Văn T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Do không có tiền tiêu sai nên Đỗ Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Vàng A C để bán lấy tiền tiêu sai cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/4/2022 đến ngày 11/4/2022, T đã thực hiện 02 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh C trên địa bàn huyện Bình Xuyên và huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 10/4/2022, tại nhà nghỉ Hoàng Mai, ở xóm N, xã Q, huyện B, T nói dối anh C cho T mượn xe máy BKS 25B1 – 891.06 đi uống rượu với bạn, tin tưởng T nên anh C đồng ý giao xe máy cho T. Sau đó, T đem xe máy đến bán cho anh Chu Văn N được 25.000.000đ và một mình tiêu sai hết số tiền trên. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 37.033.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 11/4/2022, tại trước cửa quán cắt tóc Ngọc Sơn ở TDP T, thị trấn L, huyện Lập Thạch, khi anh C vào quán cắt tóc, T nói dối anh C cho T mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS để vào mạng và ngồi đợi anh C ở quán nước bên cạnh, tin tưởng T nên anh C đồng ý giao chiếc điện thoại trên cho T. Sau đó, T đem chiếc điện thoại trên đến bán cho anh Phùng Thanh N được 5.200.000đ. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.510.000đ.

Như vậy, tổng trị giá tài sản 02 lần T chiếm đoạt là 43.543.000đ.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó bản cáo trạng số: 83/CT-VKS-LT ngày 14/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo còn trẻ, không chịu tu dưỡng rèn luyện, để có tiền tiêu sai cá nhân đã có hành vi lừa đảo

chiếm đoạt tài sản, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương thấy cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe những kẻ khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần xử phạt tù, cách ly bị cáo một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật. Bị cáo T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, do đó Hội đồng xét xử còn áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T quy định tại Điều 90, Điều 91, Điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ”*. Tuy nhiên, bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản, thu nhập gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Vàng A C yêu cầu T phải bồi thường số tiền 40.000.000đ, T cùng gia đình đã bồi thường cho anh C 40.000.000đ, anh C nhận đủ tiền, không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với anh Phạm Đức B, anh Phùng Văn U là người đưa T đi bán xe máy BKS 25B1 – 891.06, anh Chu Văn N, anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Việt V, anh Nguyễn Trường H, anh Phùng Tuấn A là người mua chiếc xe máy BKS 25B1 – 891.06, quá trình điều tra xác định những người trên không biết xe máy là do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Phùng Thanh N là người mua chiếc điện thoại di động Iphone XS của T, quá trình điều tra xác định anh N không biết chiếc điện thoại di động trên do T phạm tội mà có, sau đó anh N đã cho anh T là anh trai của T chuộc lại chiếc điện thoại trên, đến nay anh N không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Huy H, quá trình điều tra xác định trước, trong và sau khi T chiếm đoạt xe máy BKS 25B1 – 891.06, T không bàn bạc, trao đổi gì với

anh H, anh H không được hưởng lợi ích vật chất gì từ việc T chiếm đoạt xe máy của anh C nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng Gold, 01 thẻ sim có hàng số 8984048000077826706 là tài sản của anh Vàng A C, Cơ quan điều tra đã trả lại anh C các tài sản trên là đúng chủ sở hữu.

01 vỏ ốp điện thoại bằng nhựa màu vàng, T khai đã vứt bỏ ven đường, không nhớ vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, đến nay anh C không yêu cầu T phải bồi thường đối với chiếc vỏ ốp điện thoại trên.

02 tờ giấy A4 chụp lại hình ảnh giấy bán xe máy giữa T với anh N, 01 giấy bán xe máy giữa anh N với anh H là tài liệu chứng minh tội phạm, Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án. Đối với giấy bán xe máy giữa anh H với anh V, anh V với anh H, anh H với anh Tuấn A, quá trình điều tra, anh V, anh H, anh Tuấn A khai đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc xe máy BKS 25B1 – 891.06, quá trình điều tra xác định sau khi anh T mua chiếc xe máy trên, anh Tuấn A đã đăng ký lại với BKS 27B2 – 348.62 đứng tên Phùng Tuấn A. Bản thân anh Tuấn A không biết chiếc xe máy trên do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra đã trả lại anh Tuấn A chiếc xe máy BKS 27B2 – 348.62 cùng đăng ký xe.

Đối với chiếc điện thoại di động T sử dụng liên lạc với B để tìm chỗ bán xe máy BKS 25B1 – 891.06, quá trình điều tra T khai đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[9] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T, xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2022.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án huyện Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Trì;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

TrầnThị Huệ